TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày 01 – 02 – 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Lâm Hoài Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm.

2. Ông Nguyễn Hoàng Dân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 645/2022/TLST - HNGĐ ngày 10/11/2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 368/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc T, sinh năm 2003; Địa chỉ: ấp Bùng Binh 2, xã Hòa T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Phạm Hải Đ, sinh năm 2000; Địa chỉ: ấp Tân H, xã Hòa T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Ngọc T và anh Phạm Hải Đ chung sống với nhau năm 2021 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2021, giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh Đ thường uống rượu về nhà đánh chị và hay đi chơi, không quan tâm lo lắng cho gia đình nên vợ chồng cải vã với nhau. Sự việc mâu thuẫn đã được gia đình hai bên hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không sửa đổi, hiện chị và anh Đ đã sống ly thân khoảng 04 tháng nay, cuộc sống nạnh ai nấy lo, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, chị T khai chưa có.

Về tài sản chung và nợ chung, chị T khai không có.

Đối với anh Phạm Hải Đ, tuy đã được Thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Toà, cũng không gửi văn bản để nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, anh Phạm Hải Đ đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân, anh Đ và chị T chung sống với nhau vào năm 2021, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do anh Đ không trực tiếp đến Tòa cũng không gửi ý kiến bằng văn bản để phản bác hoặc phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của chị T nên lời trình bày của chị T về thời gian chung sống, thời gian sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn được chấp nhận. Cũng chính mâu thuẫn trên, chị T xác định không còn tình cảm với anh Đ và kiên quyết ly hôn, nếu Toà án giải quyết không cho ly hôn, chị cũng không chung sống với anh Đ. Từ lẽ đó, có căn cứ để nhận định rằng tình trạng hôn nhân giữa anh Đ với chị T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của chị T về việc xin ly hôn với anh Đ là có cơ sở.

[3] Về con chung, chị T khai chưa có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị T khai không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, chị T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 144, 147 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Ngọc T về việc xin ly hôn anh Phạm Hải Đ.

- Về con chung, chị Lê Ngọc T và anh Phạm Hải Đ chưa có, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung, chị Lê Ngọc T khai không có, nên không đặt ra xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, chị Lê Ngọc T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ngày 10/11/2022, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0002446 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đ vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- UBND xã Hòa T, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)
Lâm Hoài Ân